

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 6 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Trần Thị Đồi

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 537/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXX- ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp Bàu Công, xã T Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Bàu Công, xã T Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày theo đơn khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn M trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 05 năm sau đó mới tiến đến hôn nhân vào năm 1998, hai người có đến Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 24/6/2003. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã do hai người không hợp nhau, xúc phạm nhau. Mặc dù bà có khuyên can nhiều lần nhưng ông M vẫn không thay đổi tính tình. Bà và ông M đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp Gò Cao, thị trấn Hậu Nghĩa.

Nay bà xét thấy không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình với ông M nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông M.

Về con chung: bà và ông M có một con chung tên Nguyễn M T sinh năm 1999 (trưởng thành). Khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Ông Nguyễn Văn M trình bày tại phiên tòa rằng ông thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung như bà T trình bày là đúng. Ông không đồng ý ly hôn, nếu bà T muốn ly hôn phải đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính và hộ khẩu gia đình bản chính thì ông mới chịu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy bà T và ông M hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 05 năm và tự nguyện kết hôn vào năm 1998 có đăng ký kết hôn nên Hôn nhân của ông bà là phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thấy rằng từ khi chung sống với nhau, hai người chỉ hạnh phúc thời gian đầu về sau cuộc sống chung không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau... Từ đó hai người đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Bà T kiên quyết ly hôn ông M. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T và ông M đến dự hòa giải đoàn tụ nhưng ông bà có đơn yêu cầu không hòa giải. Tại phiên tòa, ông M chỉ đồng ý ly hôn khi bà T trả lại bản chính các giấy tờ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản chính hộ khẩu. Theo yêu cầu này của ông M, bà T đã trả lại tất cả các loại bản chính giấy tờ nêu trên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, ông M cũng không muốn đoàn tụ với bà T mà ông chỉ muốn đòi lại giấy tờ bản chính. Do đó cần cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: hai người có một con chung tên Nguyễn M T sinh năm 1999 (trưởng thành). Do đó khi cho bà T và ông M ly hôn không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông M khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông M khai không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2/ *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai số 000549 ngày 03/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Như vậy bà Nguyễn Thị T đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA huyện Đức Hòa;
- UBND xã Tân Mỹ.
- Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy

